

CHUYÊN ĐỀ

CÂU, TỪ VÀ BIỆN PHÁP TU TỪ (12 tiết)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Nắm vững kiến thức về câu, từ và biện pháp tu từ

- Nhận diện và phân tích, lý giải được ý nghĩa của các từ, cụm từ hoặc các biện pháp tu từ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. Chuẩn bị của GV và HS

1. Chuẩn bị của GV: Bài soạn + tài liệu tham khảo

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8.

III. Tiến trình bài dạy

Ngày giảng : 15 / 9 /2022

BUỔI 1:

CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ

I/ Các biện pháp tu từ về từ thường gặp là: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ, nói giảm nói tránh, nói quá, tương phản, liệt kê, chơi chữ.

1/ SO SÁNH:

a/ Khái niệm: So sánh là đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn.

b/ Cấu tạo của biện pháp so sánh:

- A là B:

“*Người ta là hoa đất*”

[tục ngữ]

“*Quê hương là chùm khế ngọt*”

[Quê hương - Đỗ Trung Quân]

- A như B:

“*Nước biếc trông như làn khói phủ*

Song thưa để mặc bóng trăng vào”

[Thu vịnh – Nguyễn Khuyến]

“*Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét*

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”

[Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên]

- Bao nhiêu.... bấy nhiêu....

*“Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu”
[ca dao]*

Trong đó:

+ A – sự vật, sự việc được so sánh

+ B – sự vật, sự việc dùng để so sánh

+ “Là” “Như” “Bao nhiêu...bấy nhiêu” là từ ngữ so sánh, cũng có khi bị ẩn đi.

c/ Các kiểu so sánh:

- Phân loại theo mức độ:

+ So sánh ngang bằng:

*“Người là cha, là bác, là anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”*

[Sáng tháng Năm – Tố Hữu]

+ So sánh không ngang bằng:

*“Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nôi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi”
[Bầm ơi – Tố Hữu]*

- Phân loại theo đối tượng:

+ So sánh các đối tượng cùng loại:

“Cô giáo em hiền như cô Tấm”

+ So sánh khác loại:

*“Anh đi bộ đội sao trên mũ
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm!”*

[Núi đôi – Vũ Cao]

+ So sánh cái cụ thể với cái trừu tượng và ngược lại:

*“Trường Sơn: chí lớn ông cha
Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào”*

[Nguyễn Văn Trỗi – Lê Anh Xuân]

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”*

[ca dao]

2/ NHÂN HÓA:

a/ **Khái niệm:** Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn.

b/ Các kiểu nhân hóa:

- Dùng những từ vốn gọi người để gọi sự vật: *Chị ong nâu, Ông mặt trời, Bác giun, Chị gió, ...*

- Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật:

“Heo hút côn mây súng ngửi trời”

[Tây Tiên – Quang Dũng]

“Sông Đuống trôi đi

Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì”

[Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm]

- Trò chuyện với vật như với người:

“Trâu ơi ta bảo trâu này...”

[ca dao]

3/ ẨN DỤ:

a/ Khái niệm: Ẩn dụ là BPTT gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

b/ Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp:

+ Ẩn dụ hình thức - tương đồng về hình thức

“Đầu tường lửa lưu lập lòe đom đóm”

[Truyện Kiều – Nguyễn Du]

[hoa lựu màu đỏ như lửa]

+ Ẩn dụ cách thức – tương đồng về cách thức

“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”

[ca dao]

[*ăn quả* - hưởng thụ, “*trồng cây*” – lao động]

“Về thăm quê Bác làng Sen,

Có hàng râm bụt thấp lên lửa hồng”

[Nguyễn Đức Mậu]

[*thấp*: nở hoa, chỉ sự phát triển, tạo thành]

+ Ẩn dụ phẩm chất - tương đồng về phẩm chất

“Thuyền về có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”

[ca dao]

[*thuyền* – người con trai; *bến* – người con gái]

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác - chuyển từ cảm giác này sang cảm giác khác, cảm nhận bằng giác quan khác.

“Ngoài thêm rơi chiếc lá đa

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng”

[Đêm Côn Sơn – Trần Đăng Khoa]

“Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai”

[Những cánh bướm – Hoàng Trung Thông]

“Oi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”

[Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải]

“Một tiếng chim kêu sáng cả rừng”

[Tù đêm Mười chín – Khương Hữu Dụng]

c/ Lưu ý:

- Phân biệt ẩn dụ tu từ và ẩn dụ từ vựng:

+ AD tu từ: có tính lâm thời, tính cá thể, phải đặt trong từng văn cảnh cụ thể để khám phá ý nghĩa.

“Lặn lội thân cò khi quãng vắng”

[Thương vợ - Tú Xương]

+ AD từ vựng: cách nói quen thuộc, phổ biến, không có/ ít có giá trị tu từ: cổ chai, mũi đất, tay ghế, tay bí, tay bầu,...

4/ HOÁN DỤ:

a/ **Khái niệm:** Hoán dụ là BPTT gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

b/ Có bốn kiểu hoán dụ thường gặp:

+ Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể:

“Đầu xanh có tội tình gì
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi”

[Truyện Kiều - Nguyễn Du]

“Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”

[Bài ca vỡ đất – Hoàng Trung Thông]

+ Lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng:

“Vì sao trái đất nặng ân tình,
Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh”

[Tố Hữu]

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật:

“Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

[Việt Bắc - Tố Hữu]

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

“Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

Lưu ý:

Ẩn dụ và hoán dụ cùng chung cấu trúc nói A chỉ B nhưng khác nhau:

- Ẩn dụ: A và B có quan hệ tương đồng [giống nhau]
- Hoán dụ: A và B có quan hệ gần gũi, hay đi liền với nhau.
- Nói quá là phép tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

*“Độc ác thay, trúc Nam sơn không ghi hết tội
Dơ bẩn thay, nước Đông hải không rửa sạch mùi”*

[Bình Ngô đại cáo – Nguyễn Trãi]

*“Dân công đổ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”*

[Việt Bắc - Tố Hữu]

5) NÓI GIẢM, NÓI TRÁNH:

- Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

“Bác đã đi rồi sao Bác ơi!”

[Bác ơi – Tố Hữu]

*“Bác Dương thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác, ngậm ngùi lòng ta”*

[Khóc Dương Khuê – Nguyễn Khuyến]

6) ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ:

- Là BPTT nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gọi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản.

“Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”

[Cây tre Việt Nam – Thép Mới]

- Điệp ngữ có nhiều dạng:

+ Điệp ngữ cách quãng:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

*Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?*

*Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

[Truyện Kiều – Nguyễn Du]

+ Điệp nối tiếp:

“Mai sau